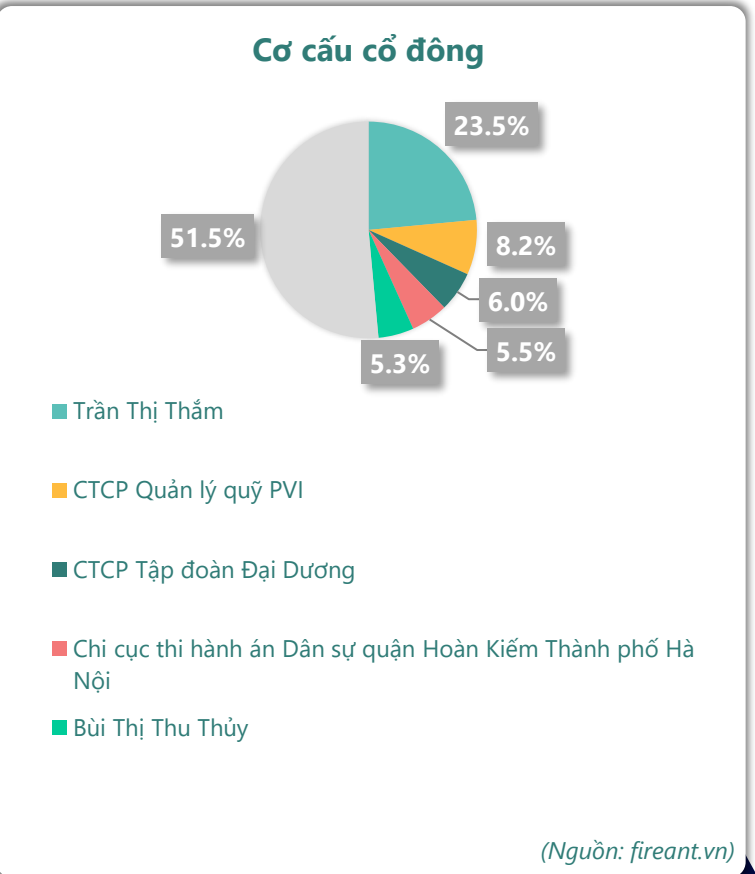
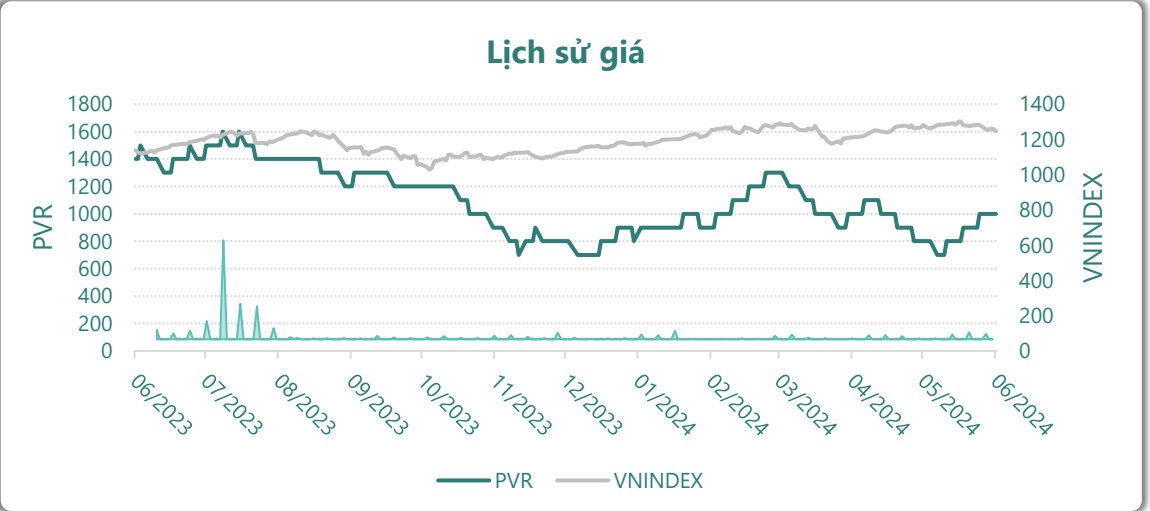
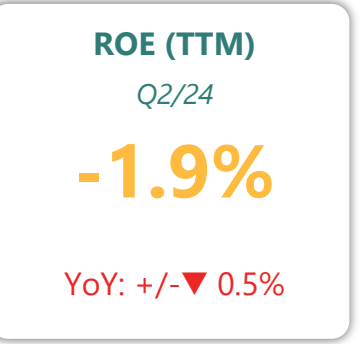
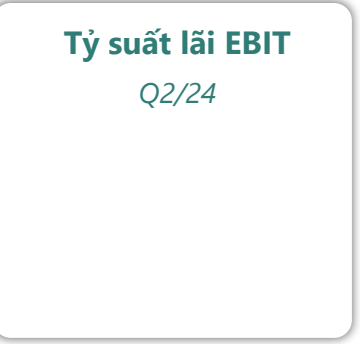
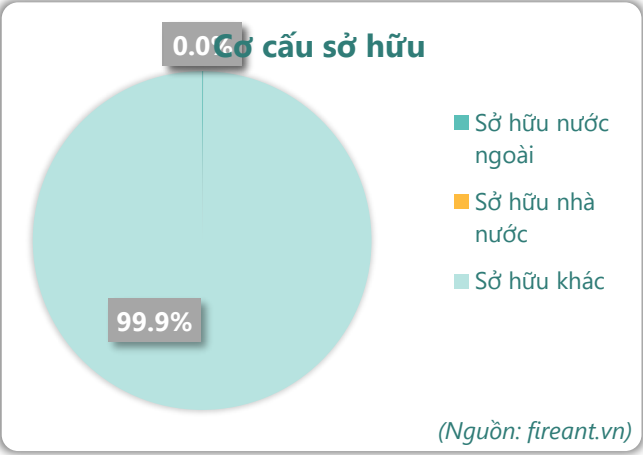
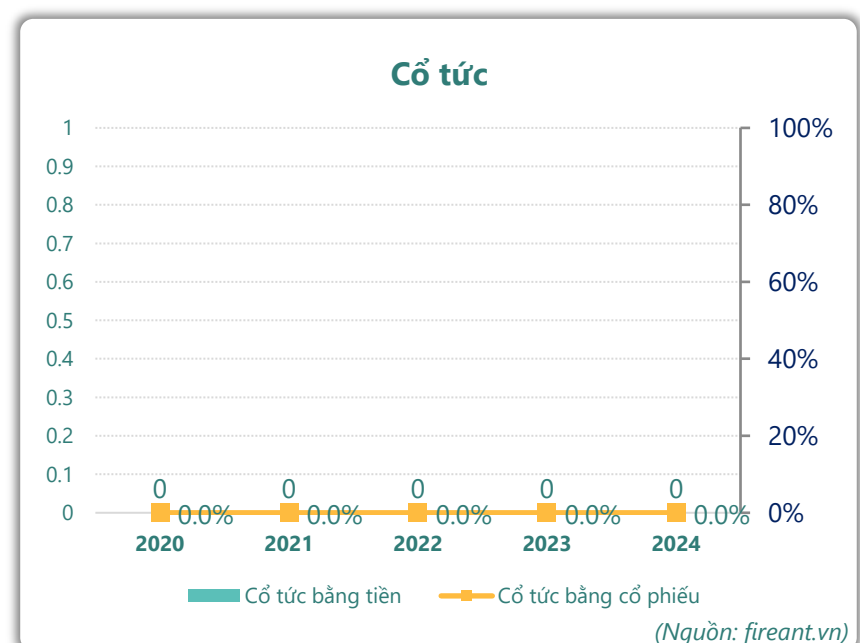
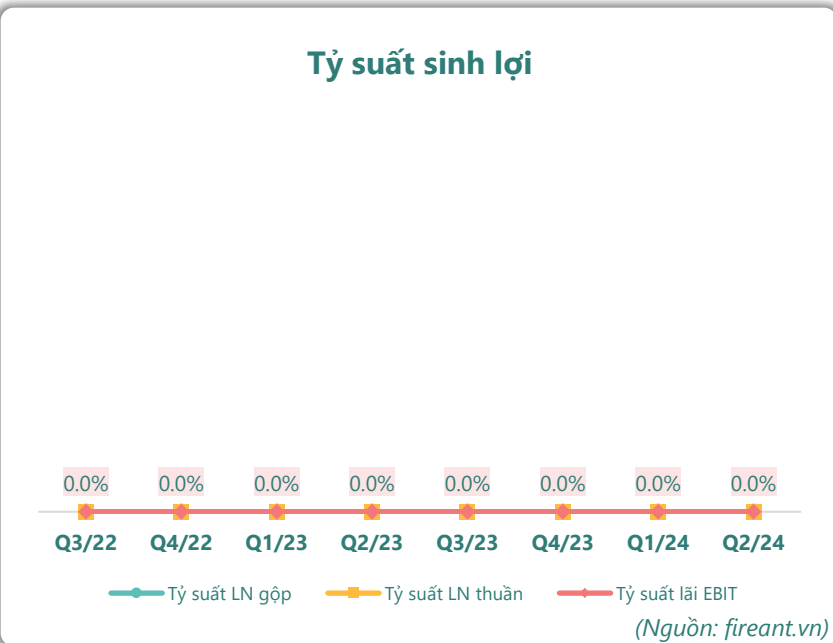
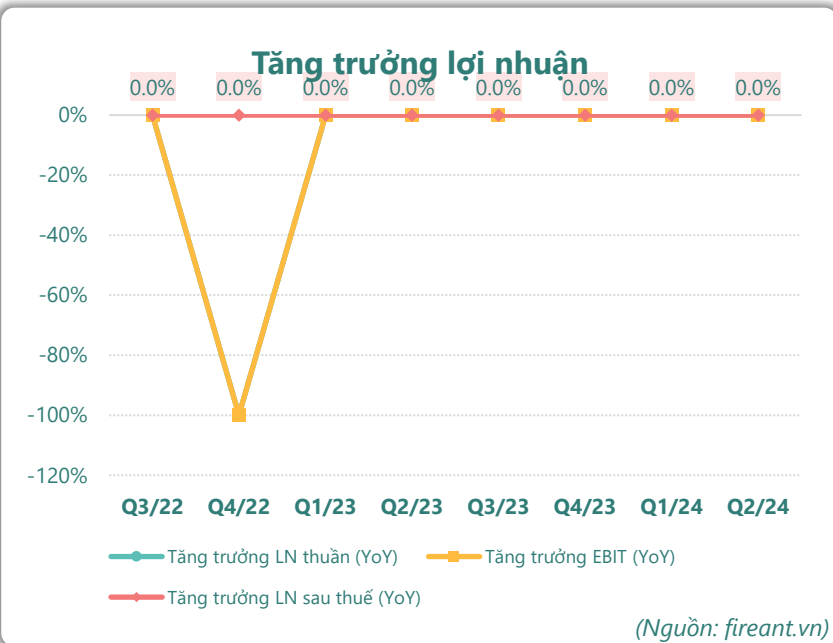
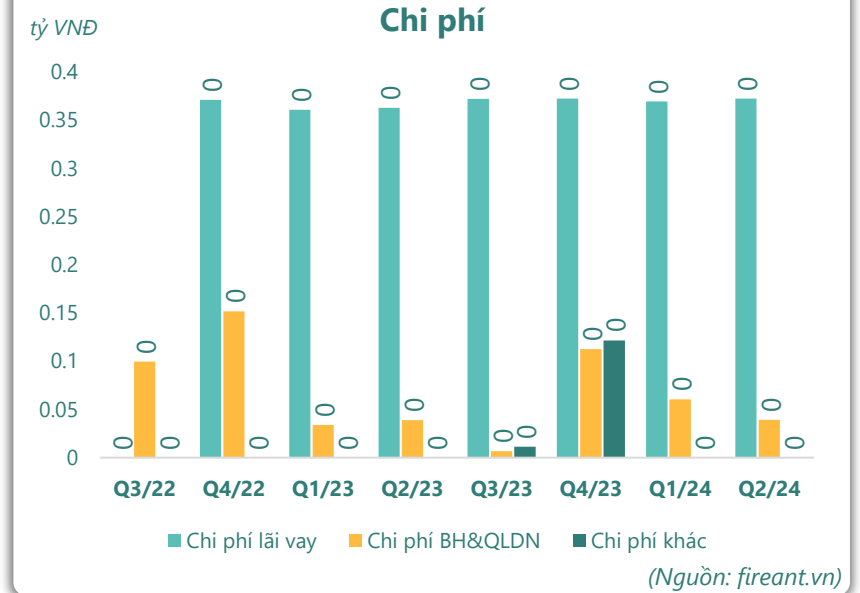
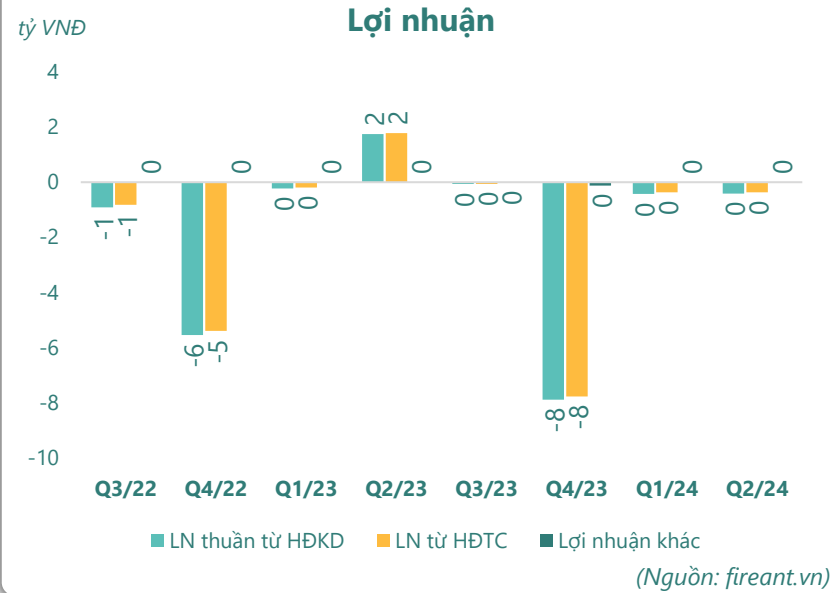
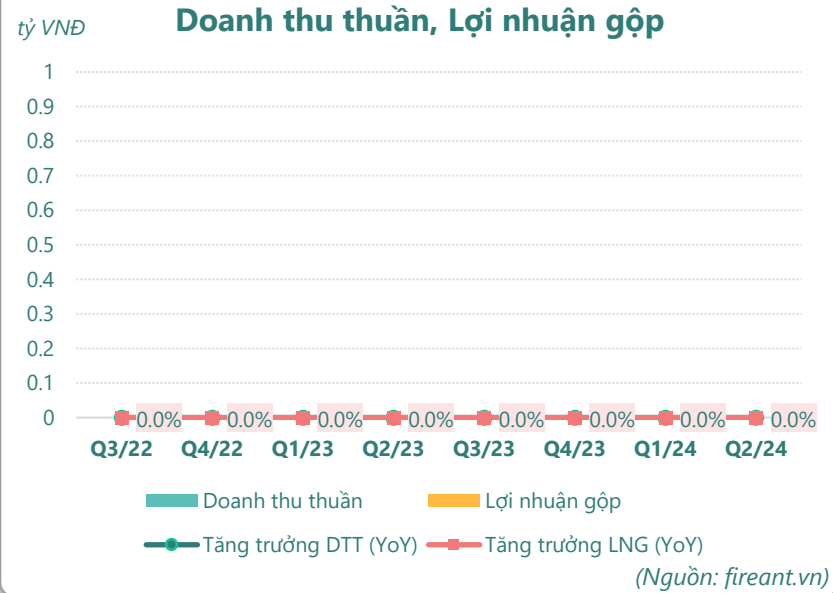


Ngày 28/06/2024	1,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	42.9%	-	25.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	700 - 1,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	52
Số lượng CPLH (CP)	51,906,713
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35,500
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.39)
EPS	-172
P/E	-5.8



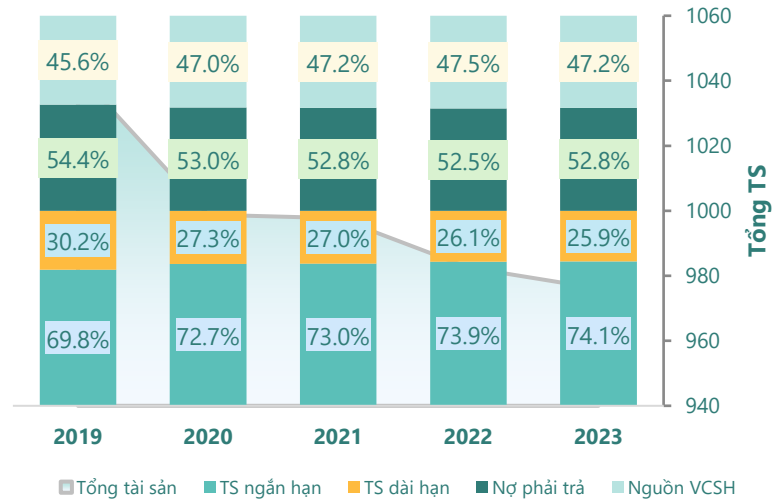
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

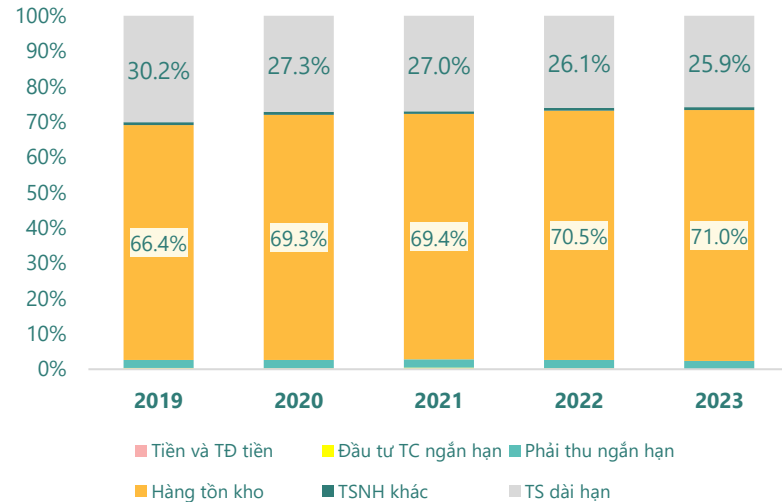
## Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

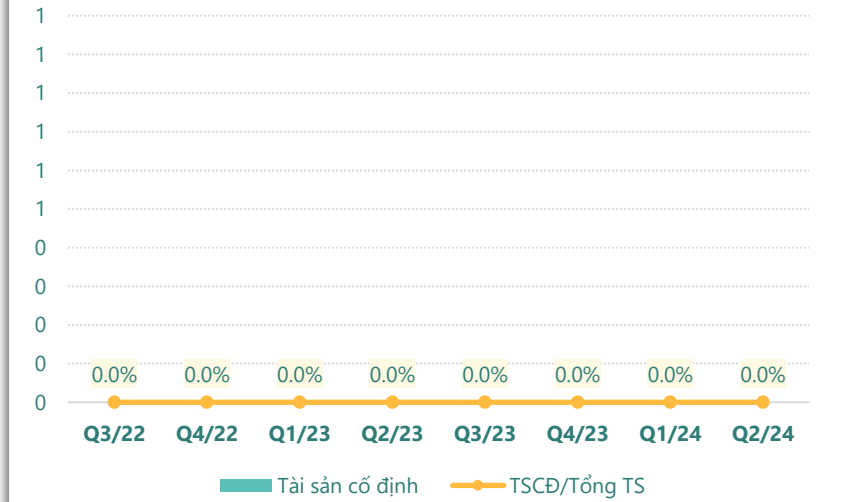
## Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

## Tài sản cố định

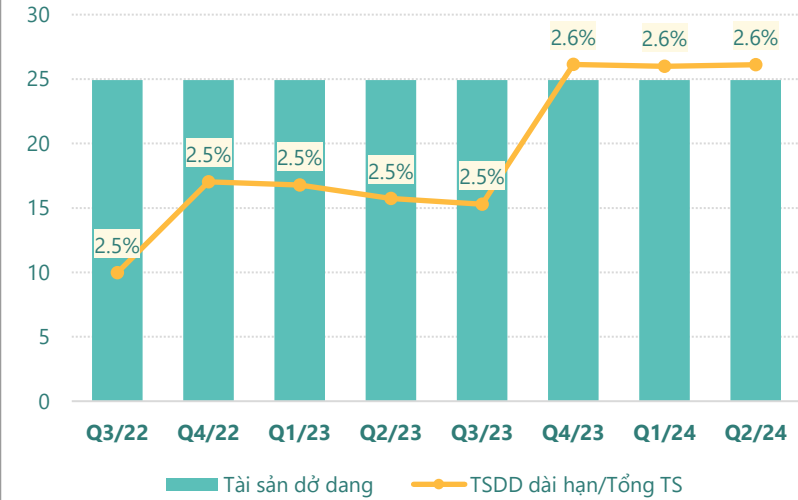
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

## Tài sản dở dang

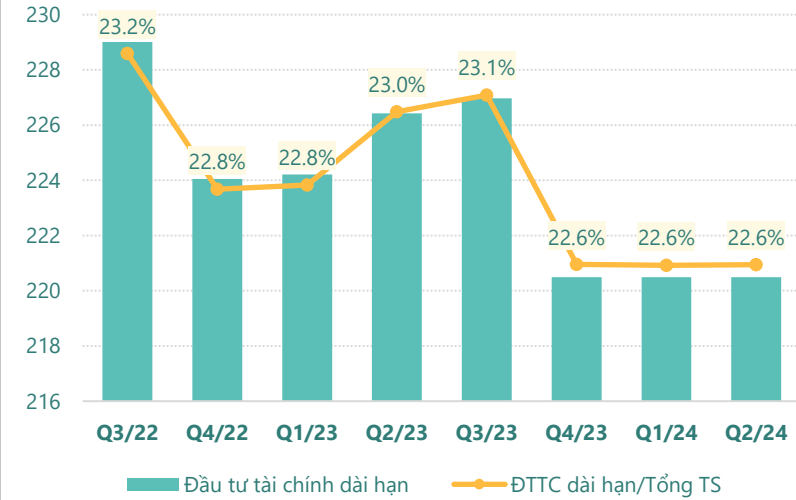
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

## Đầu tư tài chính dài hạn

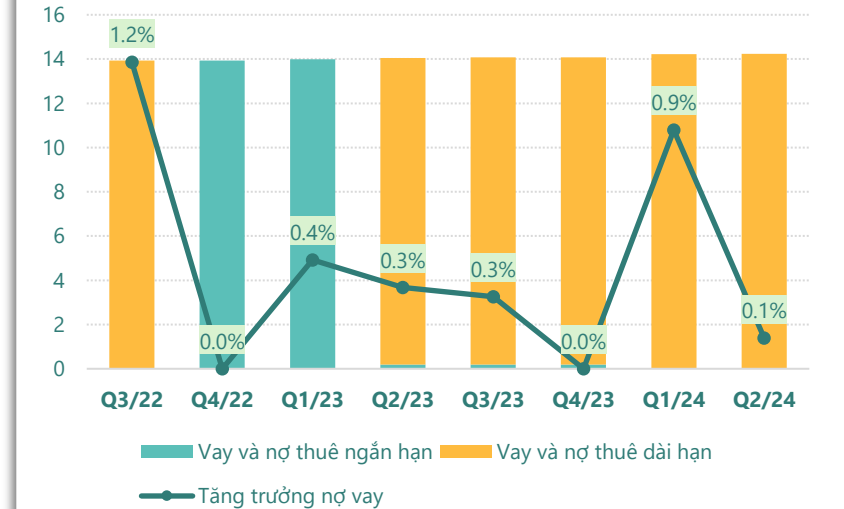
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

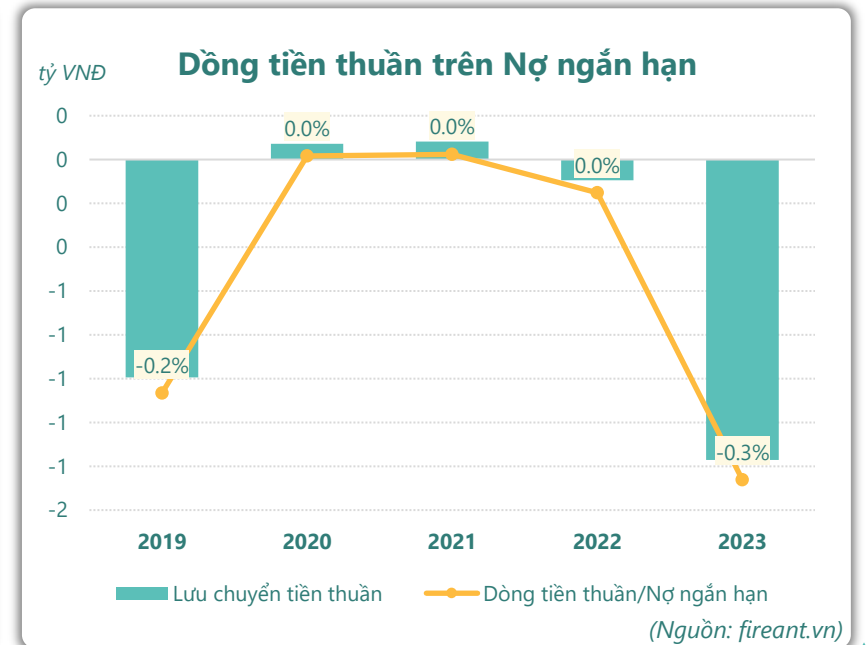
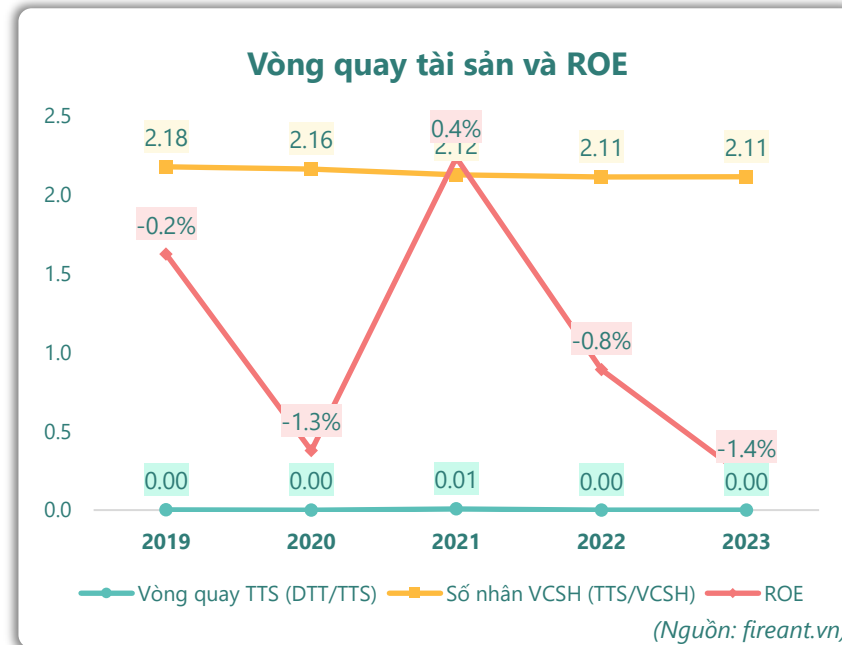
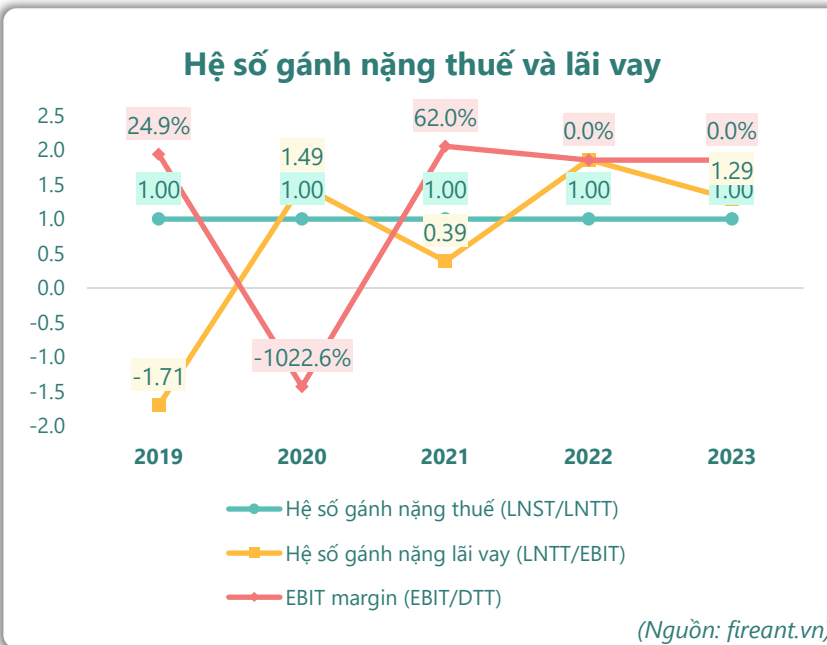
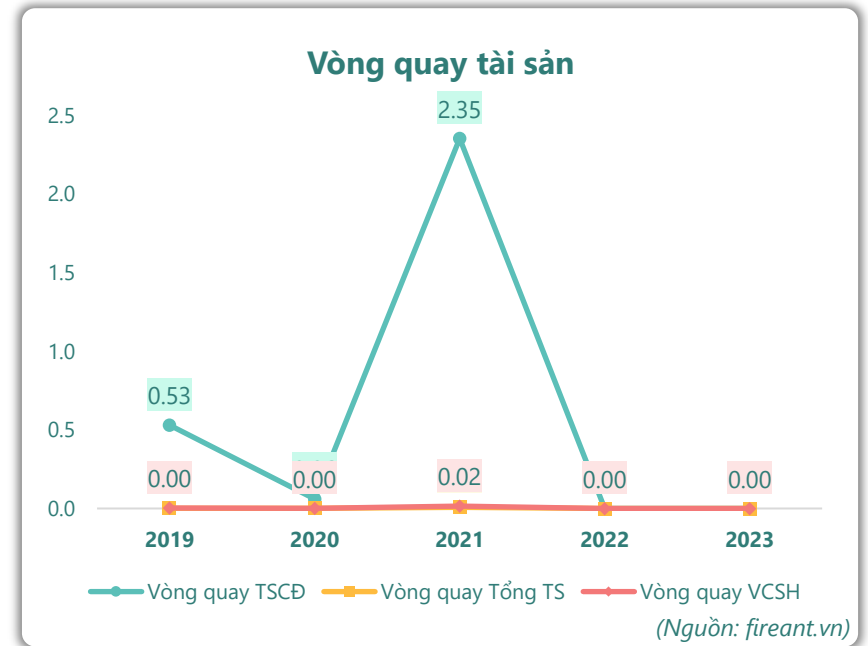
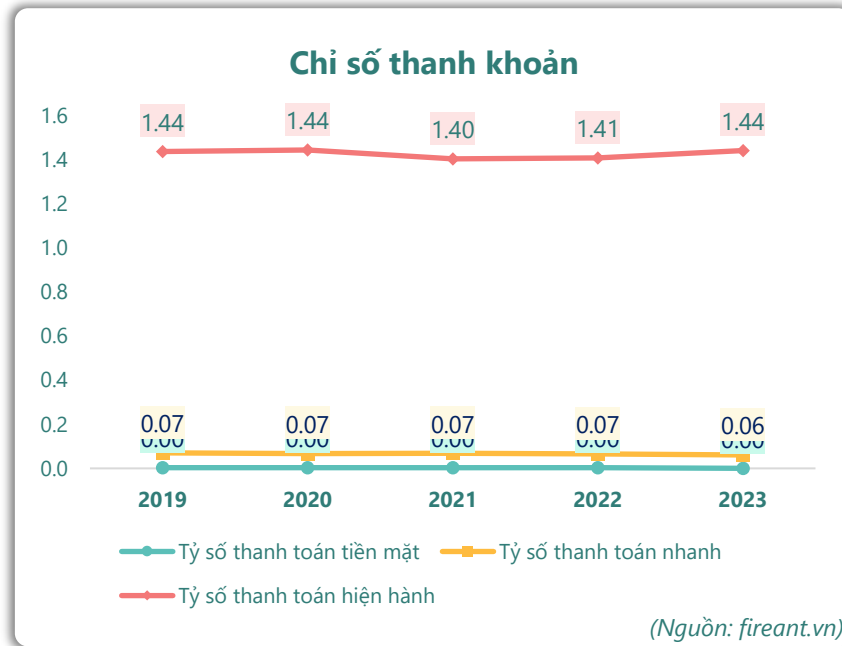
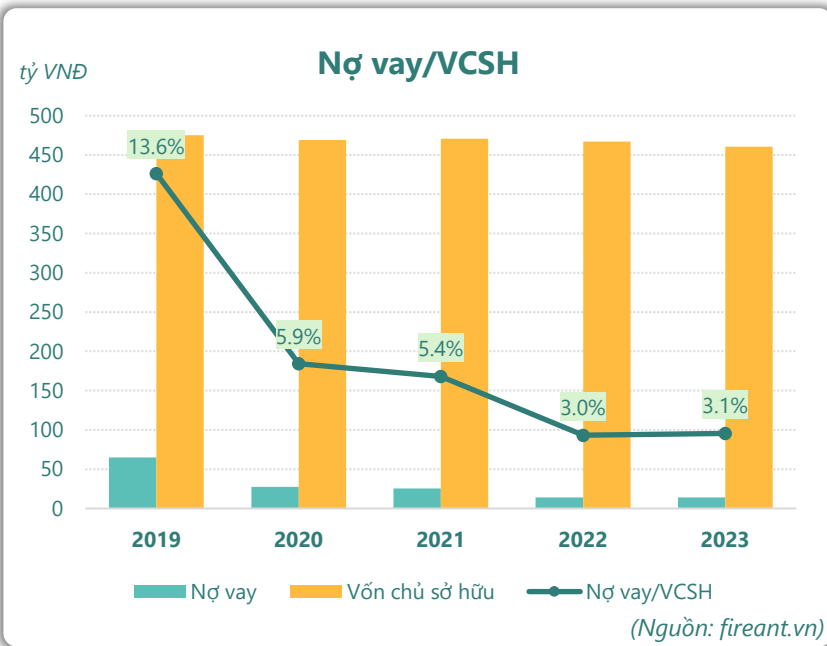
## Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

## HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.02	-95.0%
Chi phí TC	0.37	-1.78	121%	0.74	-1.57	147%
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>0.37</b>	<b>0.36</b>	<b>3.5%</b>	<b>0.74</b>	<b>0.72</b>	<b>2.5%</b>
LN trong công ty LKLD	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	<b>0.04</b>	<b>0.04</b>	<b>-1.8%</b>	<b>0.10</b>	<b>0.07</b>	<b>36.6%</b>
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>-0.41</b>	<b>1.74</b>	<b>-124%</b>	<b>-0.84</b>	<b>1.52</b>	<b>-155%</b>
Lợi nhuận khác	<b>0</b>	<b>0.00</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>LN trước thuế</b>	<b>-0.41</b>	<b>1.74</b>	<b>-124%</b>	<b>-0.84</b>	<b>1.52</b>	<b>-155%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>-0.41</b>	<b>1.74</b>	<b>-124%</b>	<b>-0.84</b>	<b>1.52</b>	<b>-155%</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>-0.41</b>	<b>1.74</b>	<b>-124%</b>	<b>-0.84</b>	<b>1.52</b>	<b>-155%</b>

(Nguồn: fireant.vn)

**Lưu chuyển tiền tệ**

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.04	-1.43	-0.04	-0.01	-0.05	-0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.06	0.05	0.04	0	0.13	0.02
Tiền đầu kỳ	1.47	1.50	0.11	0.11	0.10	0.19
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>0.02</b>	<b>-1.39</b>	<b>0.00</b>	<b>-0.01</b>	<b>0.09</b>	<b>-0.09</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.50	0.11	0.11	0.10	0.19	0.10

(Nguồn: fireant.vn)

**CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
<b>Tổng tài sản</b>	<b>976</b>	<b>976</b>	<b>0.0%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>723</b>	<b>723</b>	<b>0.0%</b>
Tiền và tương đương tiền	0.10	0.10	-0.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	23.0	23.0	0.0%
Hàng tồn kho	693	693	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	7.48	7.47	0.2%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>253</b>	<b>253</b>	<b>0.0%</b>
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.9	24.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	220	220	0.0%
Tài sản dài hạn khác	<b>7.34</b>	<b>7.34</b>	<b>0.0%</b>
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>517</b>	<b>516</b>	<b>0.2%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>502</b>	<b>502</b>	<b>0.1%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.20	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	48.1	48.1	0.0%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>14.2</b>	<b>13.9</b>	<b>2.5%</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	14.2	13.9	2.5%
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>460</b>	<b>460</b>	<b>-0.2%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>460</b>	<b>460</b>	<b>-0.2%</b>
Vốn điều lệ	531	531	0.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

(Nguồn: fireant.vn)

